

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **335/2020/HSPT**

Ngày: 31 - 8 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Th phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng;

Các Thẩm phán: Ông Trần Vĩnh Yên

Ông Trần Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 229/2020/HSPT ngày 29 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Trương Công Quốc N; do có kháng cáo của bị cáo Trương Công Quốc N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2020/HS-ST ngày 23/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

- Bị cáo kháng cáo:

Trương Công Quốc N, sinh năm 2001, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: ấp N 3, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Công Đ, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

- Bị hại: Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1984 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1986. Cùng địa chỉ: Ấp N 3, xã P, huyện T, Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Minh Th, sinh năm 2003. Địa chỉ: Ấp N 3, xã P, huyện T, Đồng Nai. (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Minh Th: Bà Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp N 3, xã P, huyện T, Đồng Nai. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh Th sinh năm 2003 và Trương Công Quốc N, sinh năm 2001 có mối quan hệ là bạn bè quen biết ngoài xã hội, cùng ngụ tại ấp N 3, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Vào khoảng 10 giờ ngày 23/7/2019, khi đi ngang qua nhà anh Nguyễn Đức V, sinh năm 1984, ấp N 3, xã P, huyện T thấy không có ai ở nhà, Th nảy sinh ý định vào nhà anh V trộm cắp tài sản bán lấy tiền chơi game và tiêu xài cá nhân. Th đi đến bên hông nhà anh V thì thấy bên hông nhà anh V có 02 lỗ thông gió, nên chui qua lỗ thông gió vào nhà, đi đến phòng ngủ thứ nhất (tính từ nhà bếp lên) thấy có 01 con heo đất nên đập vỡ lấy số tiền 36.000 đồng, rồi tiếp tục tìm tài sản thì thấy có 01 hộp gỗ cao 45cm, rộng 32 cm, dày 21cm treo trên tường, Th dự định cạy hộp gỗ để trộm cắp tài sản bên trong nhưng đang cạy thì hộp gỗ bị rớt nên Th ôm hộp gỗ đi ra ngoài từ phía cửa sau, đi đến một chỗ cách nhà anh V 50m tiếp tục cạy mở nhưng không được, nên Th giấu hộp gỗ lại trong bụi cỏ rồi đi bộ đến nhà N, kể N nghe việc Th trộm cắp tài sản nhà anh V và rủ N cùng đi cạy hộp gỗ, N đồng ý và hẹn đến tối sẽ đi cùng với Th. Đến 23 giờ cùng ngày, Th đến nhà N rủ N đi thì N nói Th điều khiển xe đi trước, N đi bộ theo sau. Khi đến nơi, N thấy Th đang dùng 01 cây xà beng bằng kim loại màu đen, dài 75cm, có 01 đầu móc nhỏ đỉnh, 01 đầu bẹt để cạy hộp gỗ. Sau khi hộp gỗ được cạy mở, do trời tối, không thấy được cụ thể bên trong là tài sản gì, chỉ thấy 02 túi bằng nhựa, N và Th mỗi người lấy 01 túi rồi đi về. Vào khoảng 8 giờ ngày 24/7/2019, Th kiểm tra túi bằng nhựa lấy từ hộp gỗ thì thấy bên trong có số tiền 800.000 đồng và các giấy tờ gồm 01 sổ hộ khẩu, chủ hộ đứng tên Nguyễn Đức V; 01 giấy chứng nhận kết hôn; 01 giấy khai sinh mang tên Nguyễn Đức V; 01 học bạ tiểu học mang tên Nguyễn Ngọc Trúc L1. Đến 09 giờ cùng ngày, Th đến nhà N hỏi N hôm qua lấy được tài sản gì từ trong hộp gỗ, N dẫn Th đến cây chôm chôm bên hông nhà N và đưa cho Th 01 cái túi màu đen, bên trong có nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng, 100.000 đồng nhưng chưa kịp đếm và chia tiền thì có người nhà gọi nên Th đi về và nói N cất giữ số tiền trên để chia tiền sau. Đến 16 giờ cùng ngày, Th được công an xã P mời làm việc và đã khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên. Sau khi Th về, N lấy tiền ra đếm được số tiền 31.500.000 đồng, số tiền này N dùng vào việc chơi game và tiêu xài cá nhân hết.

Tang vật thu giữ:

- 01 cây xà beng bằng kim loại màu đen, dài 75cm, có 01 đầu móc nhỏ đỉnh, 01 đầu bẹt.

- 01 hộp gỗ cao 45cm, rộng 32 cm, dày 21cm; 01 sổ hộ khẩu, chủ hộ đứng tên Nguyễn Đức V; 01 giấy chứng nhận kết hôn; 01 giấy khai sinh mang tên Nguyễn Đức V; 01 học bạ tiểu học mang tên Nguyễn Ngọc Trúc L1.

Tại bản cáo trạng số 36/CT-VKS-HS ngày 23/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú đã truy tố bị cáo Trương Công Quốc N về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2020/HS-ST ngày 23/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú đã căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 323; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trương Công Quốc N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt: Bị cáo Trương Công Quốc N 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Trương Công Quốc N phải nộp lại số tiền 16.500.000 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước.

Trả lại cho gia đình bà Nguyễn Thị Mỹ H1 01 cây xà beng bằng kim loại màu đen, dài 75cm, có 01 đầu móc nhỏ đỉnh, 01 đầu bẹt. (Số vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú ngày 07/4/2020).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/6/2020, bị cáo Trương Công Quốc N kháng cáo kêu oan, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại với các nội dung sau:

- Bị cáo cho rằng quá trình điều tra bị ép cung, mớm cung, bức cung, nhục hình.

- Bị cáo cho rằng bản thân sinh ngày 07/8/2001, đến thời điểm phạm tội mới chỉ mới 17 tuổi 11 tháng 14 ngày;

- Quá trình điều tra không có đại diện Viện kiểm sát, không có sự tham gia của gia đình và đại diện các cơ quan, đoàn thể theo Điều 421 BLTTHS;

- Số tiền bị cáo tiêu thụ chỉ có 7.000.000 đồng, không phải là 31.500.000 đồng, do đó, bị cáo cho rằng với số tiền trên không đủ căn cứ để truy tố bị cáo về

tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo Điều 323 BLHS.

- CQĐT không cho tiến hành đối chất giữa bị cáo và Nguyễn Minh Th;
- Tại phiên tòa chưa làm rõ tình tiết vụ việc, chỉ làm rõ nhân thân bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh Th vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn tiến hành xét xử là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng
- Không cho bị cáo tự bào chữa, tự phát biểu là vi phạm tố tụng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; bị cáo xin thay đổi kháng cáo, không kêu oan, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt và xét cấp sơ thẩm nhận định số tiền 31.500.000 đồng là tiền thu lợi bất chính và áp dụng điểm d khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo là không phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về áp dụng điều luật, chuyển sang áp dụng khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự và sửa hình phạt áp dụng đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Do nhận thức Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo 03 năm tù là quá nặng, bị cáo sợ nên kháng cáo kêu oan. Nay được Hội đồng xét xử giải thích bị cáo không kêu oan mà kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù. Hành vi của bị cáo Trương Công Quốc N đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[2] Trong vụ án này cấp sơ thẩm căn cứ Khoản 3 Điều 6 Thông tư 06/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH ngày 21/12/2018 về phối hợp thực hiện quy định của BLTTHS về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi để lấy tuổi thấp nhất trong khoảng độ tuổi đã xác định được để xác định tuổi của Nguyễn Minh Th tại thời điểm giám định là 16 tuổi (16 tuổi 06 tháng trừ đi 06 tháng tại thời điểm kết luận giám định), tiếp tục trừ lùi 03 tháng từ 18/10/2019 lùi về 23/7/2019, xác định Nguyễn Minh Th chưa đủ 16 tuổi nên chưa phải chịu trách nhiệm hình sự về tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Nếu cùng áp dụng nguyên tắc trên đối với Trương Công Quốc N, căn cứ theo Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 0028/ĐT/2020 ngày 13/01/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai kết luận độ tuổi của bị cáo Trương Công Quốc N là 18 tuổi 06 tháng (+/- 06 tháng) tại thời điểm giám định ngày 08/01/2020, lấy độ tuổi nhỏ nhất trong khoảng tuổi của bị cáo tại thời điểm giám định sẽ là 18 tuổi, trừ lùi 06 tháng về

thời điểm phạm tội ngày 23/7/2019, bị cáo chưa đủ 18 tuổi, thuộc trường hợp từ đủ 16 tuổi trở lên, vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi loại tội phạm, trừ trường hợp tội phạm đó có quy định khác theo khoản 1 Điều 12 Bộ luật hình sự. Tại thời điểm giám định bị cáo đã đủ 18 tuổi, đã qua giai đoạn điều tra, xét thấy không cần thiết chỉ định người bào chữa đối với bị cáo. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không xem xét áp dụng Điều 90, 91 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo là không đúng, không đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội.

Đối với số tiền 31.500.000 đồng bị cáo thừa nhận sau khi chiếm đoạt không sử dụng để mua bán, trao đổi,... và không phải là số tiền phát sinh lợi nhuận từ việc sử dụng số tiền chiếm đoạt để mua bán, trao đổi.... Mà đây là số tiền do người khác phạm tội mà có, trong lúc kiểm đếm, người nhà Th gọi về, Th giao lại cho N, N đã lấy sử dụng tiêu xài cá nhân và chơi game. Việc cấp sơ thẩm cho rằng số tiền 31.500.000 đồng chiếm đoạt được là khoản tiền thu lợi bất chính, và áp dụng tình tiết định khung “Thu lợi bất chính từ 20.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là không đúng, gây bất lợi cho bị cáo. Đối với hành vi của bị cáo chỉ truy tố ở khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là phù hợp, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật và áp dụng mức hình phạt theo Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi quy định xác định độ tuổi của người dưới 18 tuổi căn cứ vào Giấy khai sinh, Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu.... theo Điều 6 Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH ngày 21/12/2018 về phối hợp thực hiện quy định của BLTTHS. Trong vụ án này bị cáo đã cung cấp các giấy tờ trên, nhưng Cơ quan điều tra cấp sơ thẩm vẫn tiến hành giám định tuổi đối với bị cáo là không cần thiết, dẫn đến khó khăn trong công tác giải quyết vụ án. Do đó, cần rút kinh nghiệm.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì bản án hình sự sơ thẩm của cấp sơ thẩm xét xử bị cáo mức án quá nặng. Xét bị cáo xin thay đổi kháng cáo phù hợp nên Tòa chấp nhận. Và xét mức án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo khung hình phạt và mức án quá nghiêm khắc, nên cần xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chuyển khung từ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự sang khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự và giảm hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

Bên cạnh đó, xét trong quá trình điều tra, đã ghi nhận bị cáo Trương Công Quốc N đã trả lại số tiền 15.000.000 đồng cho người bị hại và người bị hại đã có đơn xin bãi nại, không yêu cầu bồi thường dân sự, do đó không xem xét phần trách nhiệm bồi thường dân sự. Tuy nhiên, do nhận định số tiền 16.500.000 đồng bị chiếm đoạt là tiền thu lợi bất chính, tại phần quyết định cấp sơ thẩm đã tuyên tịch thu sung công quỹ đối với số tiền 16.500.000 đồng là không đúng. Do đó, cần sửa

bản án sơ thẩm về phần biện pháp tư pháp, không tịch thu sung công quỹ đối với số tiền này.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm b, Khoản 1, Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Công Quốc N, sửa bản án sơ thẩm số: 40/2020/HS-ST ngày 23/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú về phần áp dụng pháp luật và hình phạt đối với bị cáo Trương Công Quốc N.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trương Công Quốc N 10 (Mười) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho gia đình bà Nguyễn Thị Mỹ H1 01 cây xà beng bằng kim loại màu đen, dài 75cm, có 01 đầu móc nhỏ đỉnh, 01 đầu bẹt. (Số vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú ngày 07/4/2020).

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo không phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Tân Phú (2);
- VKSND huyện Tân Phú;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Phòng PV06 - CA tỉnh Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân xã Xuân Thành;
- Bị cáo – Người tham gia tố tụng khác;
- Trại tạm giam (2);
- Lưu HS (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thanh Tùng

